

PHỤ LỤC 4: ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Đính kèm Công văn số **2854**/UBND-KT ngày **19** tháng 7 năm 2020
 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp ngân NS)	102.048.059	29.671.527	29,08	122,25
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	93.354.914	26.171.527	28,03	118,22
I	Chi đầu tư phát triển	36.103.906	9.112.279	25,24	140,88
1	Chi đầu tư cho các dự án		8.250.709		136,08
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		17.000		
3	Chi đầu tư phát triển khác		844.570		208,69
II	Chi thường xuyên	46.650.000	16.912.592	36,25	108,38
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	15.980.921	5.306.082	33,20	94,62
2	Chi khoa học và công nghệ	1.036.705	669.049	64,54	142,47
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.150.070	938.811	29,80	111,72
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	510.159	177.680	34,83	88,85
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	73.215	25.915	35,40	109,41
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	568.753	142.874	25,12	92,64
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	4.249.827	1.438.975	33,86	107,80
8	Chi sự nghiệp kinh tế	7.514.176	2.109.516	28,07	167,75
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	8.266.842	3.115.242	37,68	100,62
10	Chi bảo đảm xã hội	2.978.367	2.102.935	70,61	141,25
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.607.948	146.656	9,12	229,43
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400		0,00	
V	Dự phòng ngân sách	3.500.000		0,00	
VI	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	6.287.938		0,00	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	8.693.145	3.500.000	40,26	164,00
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	3		1,11
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	8.198.552	3.115.847	38,00	156,35
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	494.593	384.150	77,67	272,33

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ